

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày 03-8-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Bà Lê Thị Thanh Nhã.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2021/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị Ngọc D. Sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1995; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đào Thị Ngọc D trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh Nguyễn Văn V tự nguyện tổ chức lễ cưới vào ngày 28/6/2014, đến ngày 30/6/2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A,

huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên không còn hạnh phúc. Chị D và anh V sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Về hôn nhân: Chị D yêu cầu ly hôn với anh V; về con chung: trong thời gian chung sống chị D và anh V có hai con chung tên Nguyễn Thị Yến L, sinh ngày 10/8/2015 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27/01/2019, hiện nay cháu L đang sống chung với chị D, cháu N đang sống chung với anh V, chị D yêu cầu nuôi con chung là Nguyễn Thị Yến L cho đến khi thành niên, giao con chung Nguyễn Thị Yến N cho anh V nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, chị D và anh V không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống chị D và anh V không có tài sản chung và nợ chung, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn số 112, do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 30/6/2016, họ và tên chồng Nguyễn Văn V và họ và tên vợ Đào Thị Ngọc D (bản chính); Giấy khai sinh số 456/2019 họ và tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27/01/2019, họ và tên cha Nguyễn Văn V, họ và tên mẹ Đào Thị Ngọc D, đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 01/7/2019 (bản sao đã đối chiếu đúng với bản chính); Giấy khai sinh số 284/2016 họ và tên Nguyễn Thị Yến L, sinh ngày 10/8/2015, họ và tên cha Nguyễn Văn V, họ và tên mẹ Đào Thị Ngọc D, đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã A ngày 30/6/2016 (bản sao đã đối chiếu đúng với bản chính). Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp được cơ quan có thẩm quyền cấp nên hợp pháp, đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến hai lần mà vẫn vắng mặt không có lý do, anh V không gửi văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án. Tại phiên tòa anh V vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: xử cho chị D ly hôn với anh V; về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Yến L, sinh ngày 10/8/2015 cho chị D nuôi dưỡng cho đến khi thành niên; giao cháu Nguyễn Thị Yến N cho anh V nuôi dưỡng đến khi thành niên; tài sản chung và nợ chung: chị D không yêu cầu, đề nghị không xem xét; buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn chị Đào Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi dưỡng con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị D. Chị D và anh V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn sâu đậm. Chị D và anh V không chung sống cùng nhau từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Từ đó đến nay, anh chị không có liên hệ để hàn gắn tình cảm nhằm đoàn tụ xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của chị D được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về yêu cầu của chị D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Yến L, sinh ngày 10/8/2015 cho đến khi thành niên; giao cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27/01/2019 cho anh V nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, Chị D và anh V không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu L và cháu N là con chung của chị D và anh V, từ khi chị D và anh V không chung sống cùng nhau, cháu L

sống chung với chị D, cháu N sống chung với anh V cho đến nay, chị D và anh V đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cháu L và cháu N, anh V không có ý kiến phản đối yêu cầu về nuôi con của chị D. Chị D và anh V có công việc, thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các con. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Thị Yến L cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L thành niên, giao cháu Nguyễn Thị Yến Nhi cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị D và anh V không ai được cản trở. Chị D và anh V không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của chị D và anh V. Chị D không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, anh V không có ý kiến đối với việc cấp dưỡng nuôi con, nên chị D và anh V đều không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh V không chịu án phí; chị D phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Ngọc D.

1. Về hôn nhân: cho chị Đào Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn V ly hôn.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Yến L, sinh ngày 10/8/2015 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L thành niên. Giao cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27/01/2019 cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị D và anh V

không ai được cản trở. Chị D và anh V không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của chị D và anh V. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu, nên chị D và anh V không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh V không phải chịu án phí; chị D phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001735 ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV-THA);
- UBND xã A;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan